

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TRÀ MY
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/7/2022

V/v “Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đại.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Tuấn Sơn và bà Đậu Thị Luyện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoài My, Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị L, sinh năm 1986. (Có mặt)

Trú quán: thôn 02, xã TG, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1982.

Trú quán: thôn 02, xã TG, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Anh D vắng mặt lần thứ 02, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Triệu Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn D tự nguyện tìm hiểu, kết hôn vào năm 2014, được UBND xã Trà Giang, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 30/7/2014. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D thường hay uống rượu về nhà say xỉn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình và các con. Bản thân chị L là người khuyết tật, việc chăm lo cho cuộc sống gia đình vất vả. Anh D thường xuyên đi làm ăn xa nhà,

khoảng 01 năm nay anh D không gửi tiền về nhà phụ giúp chị L chăm lo cho cuộc sống gia đình. Chị L nhận thấy cuộc sống hôn nhân vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Bảo C, sinh ngày 10/6/2013 và Nguyễn Bảo N, sinh năm 2014 (đã mất năm 20216). Hiện tại cháu C đang sống với chị L và mẹ ruột của chị L tại thôn 02, xã TG, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam. Chị L có nguyện vọng được nuôi con chung không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt, không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tuân thủ đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn D mặc dù được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt, không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Triệu Thị L và anh Nguyễn Văn D ly hôn; giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bị đơn anh Nguyễn Văn D có nơi cư trú tại thôn 02, xã TG, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Triệu Thị L và anh Nguyễn Văn D tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Trà Giang, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23 ngày 30/7/2014. Ngày 20/02/2022, nguyên đơn chị Triệu Thị L nộp đơn khởi kiện về tranh chấp ly hôn với anh Nguyễn Văn D, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 186, Điều 188 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về trình tự giải quyết vụ án:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự và Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My theo đúng thời hạn luật định. Đồng thời, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tiếp theo như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho các đương sự; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về, Tòa án không biết địa chỉ nơi cư trú mới nên không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng trên cho anh D và đã tiến hành niêm yết theo luật định. Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị L và anh D.

Mặc dù Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng anh D vẫn vắng mặt, không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Triệu Thị L và anh Nguyễn Văn D kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D thường hay uống rượu về nhà say xỉn, không lo lắng, chăm sóc cho gia đình vợ con. Bản thân chị L là người khuyết tật, việc chăm lo cho cuộc sống gia đình rất khó khăn, vất vả. Tại biên bản xác minh ngày 21 tháng 3 năm 2022 Công an xã Trà Giang, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam cung cấp như sau: Bà Triệu Thị L và ông Nguyễn Văn D kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trà Giang. Việc kết hôn của vợ chồng là tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng khi sinh 02 con chung thì bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D hay uống rượu, không quan tâm chăm sóc bà L. Chúng tôi thấy vợ chồng sống không hạnh phúc. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa chị Triệu Thị L và anh Nguyễn Văn D đã mâu thuẫn đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị Triệu Thị L và anh Nguyễn Văn D ly hôn.

[2.2] Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Bảo C, sinh ngày 10/6/2013 và Nguyễn Bảo N, sinh năm 2014 (cháu N đã mất năm 2021). Hiện tại cháu C đang sống với chị L và mẹ ruột của chị L tại thôn 02, xã TG, huyện Bắc Trà My. Chị L có nguyện vọng được nuôi cháu C đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Bảo C có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi sinh ra và lớn lên đến nay cháu Nguyễn Bảo C chủ yếu được mẹ là chị Triệu Thị L trực tiếp chăm sóc, cho ăn học đàng hoàng. Anh Nguyễn Văn D ít quan tâm đến gia đình và con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Bảo C cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: chị Triệu Thị L thuộc trường hợp hộ nghèo năm 2022 theo quy định của Chính phủ, có đơn xin miễn nộp toàn bộ tiền án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị L:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Triệu Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn D. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23 ngày 30/7/2014 của UBND xã Trà Giang, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam chấm dứt giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Bảo C, sinh ngày 10/6/2013 cho chị Triệu Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị Triệu Thị L do chị thuộc trường hợp hộ nghèo năm 2022.

4. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/7/2022). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Bắc Trà My;
- C cục THADS huyện bắc Trà My;
- UBND xã Trà Giang, huyện Bắc Trà My;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đại